

Working Paper 2022.2.5.02
- Vol 2, No 5

DỰ BÁO TRIỂN VỌNG NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM HẬU COVID-19

**Nguyễn Hà My¹, Trịnh Anh Đức, Nguyễn Thanh Tùng, Mạc Như Quỳnh,
Nguyễn Thị Minh Tâm**

*Sinh viên K58 Kinh tế và Phát triển quốc tế - Khoa Kinh tế quốc tế
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

Nguyễn Thị Hải Yến

*Giảng viên Khoa Kinh tế quốc tế
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

Tóm tắt

Ngành du lịch trong những năm gần đây được coi là một trong những trụ cột chính trong tăng trưởng kinh tế. Dịch Covid-19 bùng phát đã ảnh hưởng nặng nề đến ngành du lịch. Trong bối cảnh ngành du lịch bắt đầu phát triển trở lại, việc dự báo triển vọng phục hồi của ngành là cần thiết nhằm có những biện pháp đúng đắn, kịp thời để phát triển ngành du lịch. Nghiên cứu sử dụng hai biến là lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành làm đại diện cho ngành du lịch. Bằng phương pháp san mũ kép, nghiên cứu đã dự báo được lượng khách quốc tế đến Việt Nam và doanh thu từ dịch vụ du lịch cho khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022. Kết quả dự báo cho thấy ngành du lịch đã bắt đầu phục hồi và duy trì đà tăng trong giai đoạn dự báo. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất những chính sách cho Nhà nước và các doanh nghiệp nhằm giúp đẩy nhanh quá trình phục hồi của ngành du lịch.

Từ khóa: Dự báo, du lịch, san mũ.

**FORECASTING PROSPECTS FOR THE RECOVERY OF VIETNAM'S
TOURISM INDUSTRY AFTER COVID-19**

Abstract

The tourism industry in recent years is considered one of the main pillars of economic growth. The outbreak of Covid-19 had a serious impact on the tourism industry. In the context that the tourism industry begins to develop again, forecasting the prospects of the industry's recovery is necessary in order to have the right and timely measures to develop the tourism industry. The study uses two variables, the number of international tourist arrivals to Vietnam and tourism service revenue as representative of the tourism industry. By the double-leveling method, the study predicts the number of international visitors to Vietnam and the revenue from tourism services for the period from May 2022 to October 2022. The forecast results show that the tourism industry has started to recover and maintain its momentum during the forecast period. On that basis, the study proposes

¹ Tác giả liên hệ, Email: k58.1914450007@ftu.edu.vn

policies for the State and businesses to help accelerate the recovery of the tourism industry.

Keywords: forecast, tourism, exponential smoothing.

1. Giới thiệu chung

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Theo số liệu thống kê về “Tổng thu từ khách du lịch giai đoạn 2008 – 2021” của Tổng cục du lịch, ngành du lịch chiếm 12% GDP cả nước trong năm 2019. Trong đó, lượng khách du lịch quốc tế tuy chỉ chiếm 17% nhưng lại chi hơn quá nửa: trung bình mỗi du khách quốc tế chi 673 USD, ngược lại, 61 USD là con số trung bình mỗi du khách trong nước chi cho du lịch. Trong giai đoạn 2014-2019, Ngành du lịch đã tạo được 660 nghìn việc làm (Theo hội đồng du lịch và lữ hành thế giới), do tác động của đại dịch Covid-19, việc chi tiêu của du khách sụt giảm cũng kéo theo các ngành thực phẩm, đồ uống và bán lẻ lâm vào tình trạng khốn đốn (Constantin, Francois & Thao, 2021).

Đến năm 2021, theo số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, lượng khách quốc tế đến Việt Nam giảm hơn 99% so với năm 2019. Cụ thể, tính chung năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước đạt 157,3 nghìn lượt người, giảm 95,9% so năm trước và giảm 99,1% so năm 2019. Trong số đó, lượng khách chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam.

Trong bối cảnh ngành du lịch của Việt Nam tiếp tục phát triển, sôi động trở lại không lâu sau khi lệnh phong tỏa được dỡ bỏ, và triển vọng du lịch quốc tế ngày càng trở nên khả thi hơn sau khi các nước triển khai tiêm vắc-xin, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch và lữ hành, các Bộ ban ngành và Chính phủ sẽ cần có những mục tiêu và định hướng phát triển phù hợp để du lịch Việt Nam có thể phục hồi trở lại trong giai đoạn này. Cũng từ lý do này, nhóm nghiên cứu quyết định lựa chọn đề tài: “DỰ BÁO TRIỂN VỌNG PHỤC HỒI NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM HẬU COVID-19.”

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm về du lịch:

Dưới góc độ của du khách hay người đi du lịch, thuật ngữ “du lịch” được hiểu trong Luật du lịch Việt Nam năm 2005 là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.

Dưới góc độ những nhà kinh doanh, cung ứng dịch vụ du lịch, du lịch là “quá trình tổ chức các điều kiện về sản xuất, phục vụ nhằm thỏa mãn đáp ứng nhu cầu của người đi du lịch. Các doanh nghiệp du lịch coi du lịch như là một cơ hội để bán các sản phẩm mà họ sản xuất ra, nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách, đồng thời đạt được mục đích tối đa hóa lợi nhuận.” (Trần và Nguyễn, 2008).

Như vậy, dựa vào những định nghĩa trên, khái niệm du lịch được sử dụng trong nghiên cứu là: “Du lịch là một hiện tượng kinh tế xã hội với sự tham gia, tương tác giữa khách du lịch, người kinh doanh dịch vụ du lịch, dân cư sở tại và chính quyền nơi đón khách du lịch. Thông qua du lịch, khách du lịch mong muốn thỏa mãn những nhu cầu về vật chất và tinh thần của mình ở ngoài

nơi mình thường xuyên cư trú; người kinh doanh dịch vụ du lịch có cơ hội tìm kiếm lợi nhuận; cư dân địa phương có dịp quảng bá văn hóa, tìm kiếm công ăn việc làm; và đây là hoạt động cần có sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương”

2.1.2 Khái niệm về khách du lịch và khách du lịch quốc tế:

Theo pháp luật Việt Nam, “khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến” (Điểm 2, điều 4, Luật Du lịch Việt Nam năm 2005). Điều 34 Luật này cũng quy định khách du lịch bao gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế trong đó “Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch; công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch” (Điểm 3, điều 34, Luật Du lịch Việt Nam năm 2005).

2.2. Tình hình nghiên cứu và ứng dụng mô hình định lượng trong dự báo lượng khách du lịch quốc tế

Trên thế giới, đóng góp của ngành du lịch vào tốc độ phát triển kinh tế ngày càng trở nên rõ rệt (Gunter & Onder, 2015; Song, Li, Witt, & Athanasopoulos, 2011). Do đó, việc dự báo lượng khách du lịch quốc tế đã và đang là một phần quan trọng trong việc dự báo phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia. Dự báo thường được sử dụng làm cơ sở để nhà đầu tư xác định tiềm năng của những địa điểm thu hút du lịch trong tương lai, từ đó đưa ra quyết định phù hợp nhằm tận dụng tối đa các nguồn lực và thu được lợi nhuận. Ở chiều ngược lại, các cơ quan chức năng cần dự báo cầu du lịch để đưa ra các chính sách nhằm vừa thúc đẩy du lịch, vừa giữ gìn, phát huy môi trường tự nhiên, văn hóa tại địa phương.

Những nghiên cứu dự báo cầu du lịch từ trước đến nay đa dạng giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ (Australia, Macau, Ấn Độ...), với nhiều mô hình và bộ số liệu được sử dụng (ARIMA, VAR, SARIMA...) (Lim & McAleer, 2002; Song & Witt, 2006; Chandra & Kumari, 2018;...). Trong thời gian gần đây, những hình thức và xu hướng mới trong hoạt động du lịch và lữ hành vô hình chung yêu cầu việc dự báo du lịch cần được thay đổi phù hợp với thời đại. Do đó, những phương pháp mới đã và đang tiếp tục được phát triển nhằm nâng cao tính chính xác của dự báo du lịch. Hầu hết nghiên cứu gần đây đã tổng hợp dữ liệu về cầu du lịch quốc tế chi tiết hơn nhờ dựa trên nhiều yếu tố như lượng khách quốc tế đến (Gunter & Onder, 2015; Song & Li, 2008; Zhu, Lim, Xie & Wu, 2018...); chỉ tiêu cho du lịch (Li, Wong, Song & Witt, 2006) hay lượng lưu trú qua đêm (Constantino, Fernandes & Teixeira, 2016)...

Những nghiên cứu dự báo cầu du lịch có thể được phân loại theo 2 phương pháp: định tính và định lượng. Các mô hình định lượng được sử dụng phổ biến trong dự báo cầu du lịch bao gồm những mô hình chuỗi thời gian, mô hình kinh tế lượng, các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo qua bài nghiên cứu Phân tích và dự báo cầu du lịch tại Việt Nam bằng mạng neural nhân tạo (ANN) của Le Quyen Nguyen, Paula Odete Fernandes & João Paulo Teixeira (2022). Trong đó 2 mô hình đầu đã được sử dụng thường xuyên, các mô hình trí tuệ nhân tạo đã bắt đầu phổ biến trong những thập kỷ gần đây nhờ vào khả năng giải quyết các hệ thống phi tuyến.

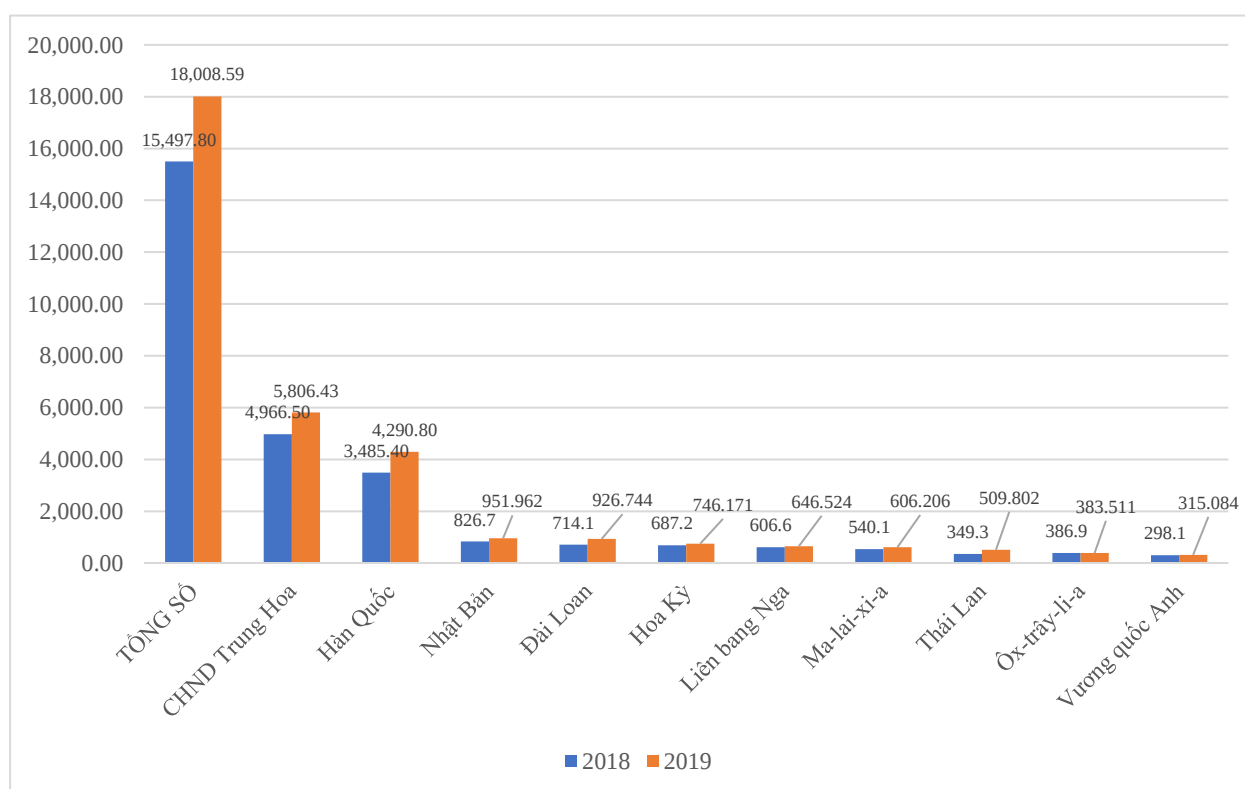
Tiêu biểu hơn cả, trong nghiên cứu được phát hành năm 2022 của nhóm tác giả Le Quyen Nguyen, Paula Odete Fernandes và João Paulo Teixeira về phân tích và dự báo cầu du lịch Việt Nam, bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu ANN, nhóm tác giả đã cung cấp cho những nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý du lịch những công cụ hữu ích trong việc lên kế hoạch các hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nghiên cứu này còn một số hạn chế như: quá trình mô hình hóa

chủ yếu dựa trên những quan sát trong quá khứ được thu thập trước khi Covid-19 bùng phát; những số liệu liên quan đến thời điểm giãn cách xã hội không được ghi lại trong mô hình được phát triển vì giống nhiều quốc gia khác, Việt Nam không cho phép khách du lịch nước ngoài nhập cảnh trong thời gian dài. Do đó, mô hình chỉ đơn thuần ghi lại được những số liệu về hành vi khách du lịch từ trước khi dịch bệnh diễn ra trong khi những hành vi du lịch cũng đã thay đổi ít nhiều sau thời kỳ Covid-19. Vì thế, những nhân tố mới ảnh hưởng đến lượng khách du lịch quốc tế được rút ra từ nghiên cứu này bao gồm: những quy định cách ly 14 ngày, hạn chế trong lựa chọn phương tiện đi lại và cơ sở lưu trú, hạn chế trong việc tham quan các địa điểm du lịch, nhà hàng, dịch vụ giải trí khác...

Nghiên cứu cũng kỳ vọng rằng số lượng khách quốc tế đến Việt Nam sẽ tăng trở lại và đạt mốc trước đại dịch trong một vài năm tới. Với yêu cầu cập nhật những số liệu cho mô hình ANN để đưa ra các dự đoán chính xác hơn, nhóm tác giả của nghiên cứu này cũng đã đề xuất cải thiện mô hình ANN trong tương lai bằng cách thu thập bộ số liệu lớn hơn liên quan đến khách du lịch quốc tế, bao gồm những số liệu mới được cập nhật liên quan đến thời kỳ giãn cách và bước đầu phục hồi. Nếu mô hình tiếp tục được cải tiến sẽ đem lại thêm thông tin cho những nhà đầu tư giúp họ có cái nhìn trực quan hơn về kế hoạch hành động để tối ưu hóa nguồn vốn của họ khi nắm bắt cơ hội đầu tư khi mà Việt Nam mở cửa hoàn toàn du lịch.

3. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến ngành du lịch Việt Nam

3.1. Ngành du lịch Việt Nam trước Covid-19



Hình 1. Lượng khách quốc tế đến từ 10 thị trường hàng đầu tới Việt Nam giai đoạn 2018 – 2019

Nguồn: Số liệu thống kê của Tổng cục du lịch

Lượng khách quốc tế đến từ 10 thị trường hàng đầu tới Việt Nam giai đoạn trước đại dịch chiếm trên 80% tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam (83% vào năm 2018 và 84,3% vào năm 2019) (Hình 1). Theo số liệu của Tổng cục thống kê và nhận định của Bộ VHTT&DL trong Báo

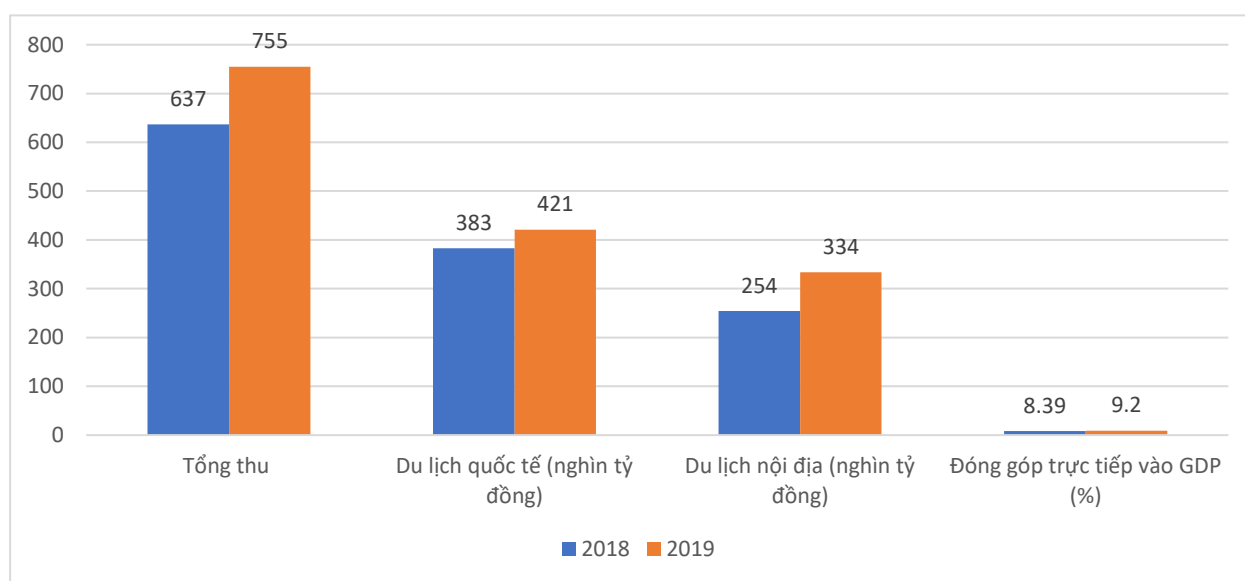
cáo du lịch thường niên, CHND Trung Hoa, Hàn Quốc, Nhật Bản và Đài Loan giữ vững vị trí dẫn đầu theo thống kê. Năm 2019, du lịch Việt Nam chứng kiến con số kỷ lục 18 triệu lượt lượng khách quốc tế, tăng 16,2% so với năm 2018. Trong đó, lượng khách du lịch quốc tế đến từ 10 thị trường hàng đầu đạt 15,2 triệu lượt, tăng hơn 2,4 triệu lượt so với năm 2018.

Bên cạnh đó, số khách quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện cũng có chiều hướng tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2018- 2019, theo số liệu của Tổng cục thống kê, lượt khách quốc tế đến Việt Nam theo đường hàng không đạt tỷ trọng lớn nhất (80% so với tổng số lượt khách), song lượt khách đến bằng đường thủy có sự tăng trưởng lớn nhất (1,23%).

3.1.1. Lượt khách nội địa

Theo số liệu của Tổng cục Du lịch, lượng khách du lịch nội địa năm 2018 đạt con số 80 triệu lượt, tăng 9% so với năm 2017, trong đó đáng chú ý nhất là 38,6 triệu lượt khách có sử dụng dịch vụ lưu trú. Năm 2019, cả nước có 85 triệu lượt khách du lịch nội địa, tăng 6,3% so với năm trước đó. Tính riêng trong giai đoạn 2015-2019, lượng khách du lịch trong nước đã tăng gần 1,5 lần trong, từ 57 triệu lượt vào năm 2015 và đạt mức 85 triệu lượt năm 2019, tăng bình quân 10,5% mỗi năm.

3.1.2. Đóng góp kinh tế của du lịch



Hình 2. Đóng góp kinh tế của du lịch giai đoạn 2018 – 2019

Nguồn: Báo cáo du lịch thường niên 2018, 2019.

Trước khi đại dịch diễn ra, đóng góp của du lịch vào nền kinh tế đạt những con số đáng tự hào, tổng thu từ khách du lịch đạt 755 nghìn tỷ đồng (tương đương 32,8 tỷ USD) tăng trưởng 19% so với năm 2018. Có thể nhận thấy du lịch Việt Nam trước khi Covid diễn ra, nhà nước đã rất cố gắng trong việc thúc đẩy nền kinh tế du lịch phát triển.

3.2. Ảnh hưởng của Covid-19 đến ngành du lịch Việt Nam

Theo tổ chức Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, năm 2020 chứng kiến GDP toàn cầu ước tính thiệt hại khoảng 4,5 nghìn tỉ USD và hơn 60 triệu người bị mất việc làm, trong đó du lịch là một trong những ngành chịu tác động nặng nề nhất.

Theo thống kê từ Báo cáo Analyzing and Forecasting Tourism Demand in Vietnam with Artificial Neural Networks, sau khi bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng Covid-19 vào đầu năm 2020, Việt Nam đã phải đối mặt với những hậu quả nghiêm trọng về hệ sinh thái. Trong đó, du lịch được xem là một trong những ngành bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi đại dịch Covid-19. Việc đóng cửa biên giới và cấm gia nhập của du khách nước ngoài kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay ngay lập tức dẫn đến sự sụt giảm đột ngột về lượng khách du lịch quốc tế, khiến tổng lượng du lịch giảm đáng kể doanh thu năm 2020 bằng 48,4% so với năm 2019 (Bảng 3).

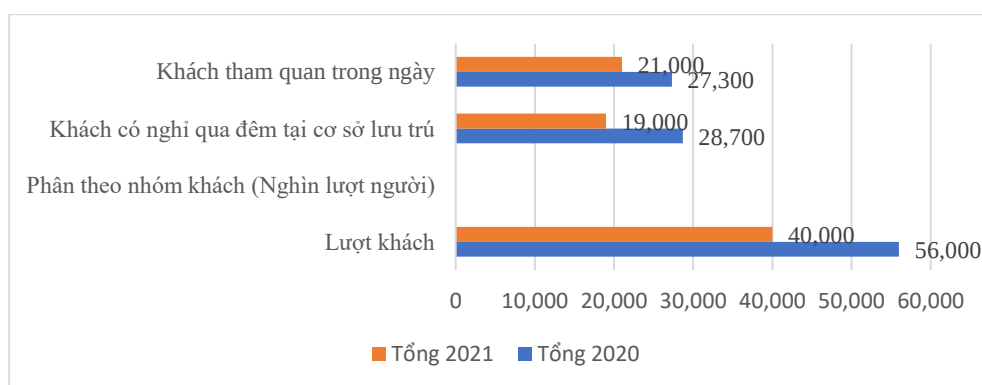
Trong gần 2 năm chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành du lịch Việt Nam đang phải trải qua những khó khăn chưa từng có trong lịch sử. Thị trường du lịch bị đứt gãy, các hoạt động du lịch bị đình trệ, trực tiếp khiến cho toàn ngành không đạt được các chỉ tiêu, chệch hướng quỹ đạo tăng trưởng.

Bảng 1. Thống kê số lượt khách quốc tế, khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch giai đoạn 2019 – 2020

	2019	2020	Tăng trưởng (%)
Lượt khách quốc tế (triệu lượt)	18	3,7	-79,44
Lượt khách nội địa (triệu lượt)	85	56	-34,12
Tổng thu từ khách du lịch (tỷ đồng)	755000	312200	-58,65

Nguồn: Báo cáo du lịch thường niên 2018- 2019

Năm 2021 với đợt dịch thứ 4 bùng phát mạnh trong cả nước, tình hình càng tồi tệ hơn. Các hoạt động kinh tế - xã hội của phần lớn tỉnh/thành phố trong cả nước đình trệ nhiều tháng. Khách du lịch quốc tế chưa được phép đón, còn lượng khách du lịch trong nước tiếp tục giảm gần 30% so với cùng kỳ năm 2020. Ngoài ra, các chỉ số phân theo nhóm khách cũng ghi lại sự sụt giảm đáng kể, số lượt khách nghỉ qua đêm tại cơ sở lưu trú giảm 9700 nghìn lượt người tương đương hơn 33%, số lượt khách tham quan trong ngày giảm 6300 nghìn lượt người tương đương 23% (Bảng 4).



Hình 3. Khách du lịch nội địa giai đoạn 2020 – 2021

Nguồn: Số liệu thống kê của Tổng cục du lịch

4. Dự báo triển vọng phục hồi ngành du lịch Việt Nam hậu Covid-19

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp san mũ giản đơn (single exponential smoothing) là phương pháp dự báo cho đơn chuỗi. Phương pháp này không chỉ giúp loại bỏ yếu tố ngẫu nhiên mà còn giúp dự báo giá trị tương lai của chuỗi. Phương pháp san mũ dựa trên trung bình có trọng số:

$$Y_t^{SE} = \alpha \cdot Y_t + (1 - \alpha) \cdot Y_{t-1}^{SE}$$

Với α là hằng số san, $0 < \alpha < 1$

Để bắt đầu tính toán, lấy $Y_t^{SE} = Y_1$

Từ đó:

$$Y_2^{SE} = \alpha \cdot Y_2 + (1 - \alpha) \cdot Y_1^{SE}$$

San mũ kép (double exponential smoothing) là lặp lại 2 lần của san mũ đơn:

$$Y_t^{DE} = (Y_t^{SE})^{SE} = \alpha \cdot Y_t^{SE} + (1 - \alpha) \cdot Y_{t-1}^{DE}$$

Từ đó, tiến hành tìm hằng số san α sao cho: $e_t^2 = \sum_{t=2}^n (Y_t - Y_{t-1}^{DE})^2$ đạt giá trị nhỏ nhất.

4.2. Phân tích dữ liệu

4.2.1. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu được sử dụng trong phạm vi bài báo cáo là dữ liệu thứ cấp, thuộc kiểu dữ liệu tần suất tháng và được tổng hợp từ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội theo tháng của Tổng cục Thống kê Việt Nam. Đây là trang web cung cấp dữ liệu kinh tế vĩ mô với độ tin cậy cao.

Phạm vi thu thập dữ liệu trải dài từ 01/2018 đến 04/2022, cung cấp 52 quan sát theo chuỗi thời gian.

Bảng 2. Thống kê các biến được sử dụng trong nghiên cứu

STT	Tên biến	Ký hiệu	Đơn vị
1	Lượng khách quốc tế đến Việt Nam	DL	Lượt người
2	Doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành	DT	Tỷ đồng

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội

4.2.2. Khảo sát dữ liệu

Mô tả chung:

Sau khi mô tả, nhóm thu thập được 52 quan sát với các thông tin về dữ liệu như giá trị trung bình, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, phương sai... (Bảng 6), trong đó:

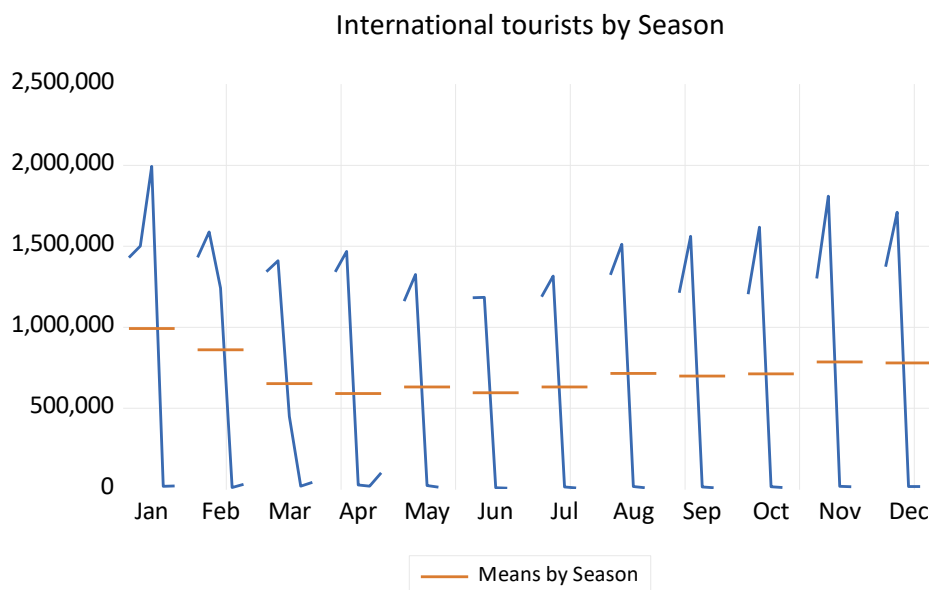
Bảng 3. Thống kê mô tả các biến

	DL	DT
Mean	724871.5	2247.203
Median	805511.5	2442.251
Maximum	1994125.	4228.319
Minimum	7203.000	50.78956
Std. Dev.	712666.5	1481.748
Skewness	0.117087	-0.077808
Kurtosis	1.231708	1.344266
Jarque-Bera	6.893668	5.992286
Probability	0.031846	0.049979
Sum	37693318	116854.6
Sum Sq. Dev.	2.59E+13	1.12E+08
Observations	52	52

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Mức cao nhất của số lượng khách quốc tế tới Việt Nam là 1,994,125 lượt người (ghi nhận vào tháng 01/2020) và mức thấp nhất là 7,203 lượt người (ghi nhận vào tháng 06/2021). Nhìn chung, số lượng du khách quốc tế đến Việt Nam cao nhất vào các tháng đầu năm, sau đó giảm ở các tháng

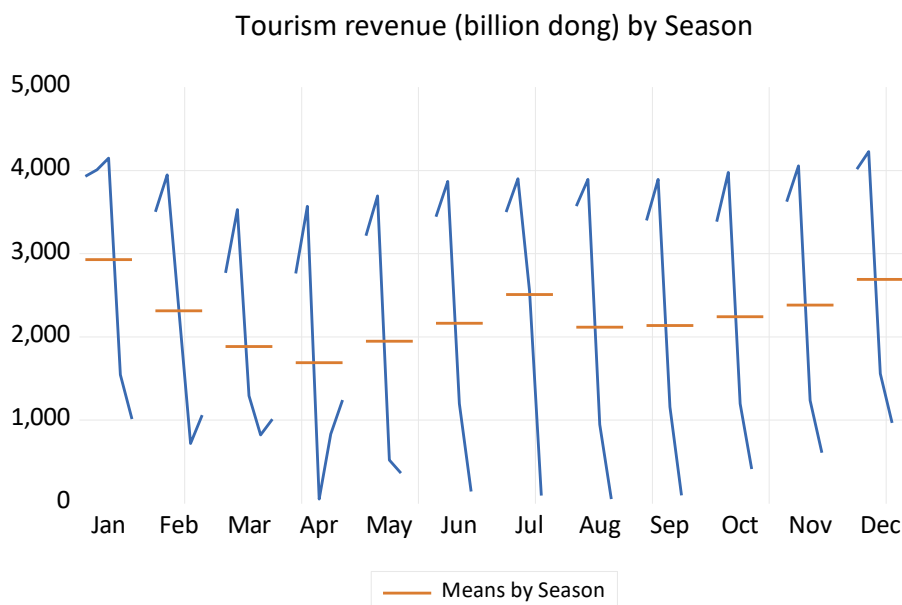
giữa năm và tăng nhẹ ở các tháng cuối năm, điều này được cho thấy bởi các đường gạch ngang màu đỏ (thể hiện giá trị trung bình mùa vụ) (Hình 4).



Hình 4. Giá trị trung bình mùa vụ của lượng khách du lịch quốc tế

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

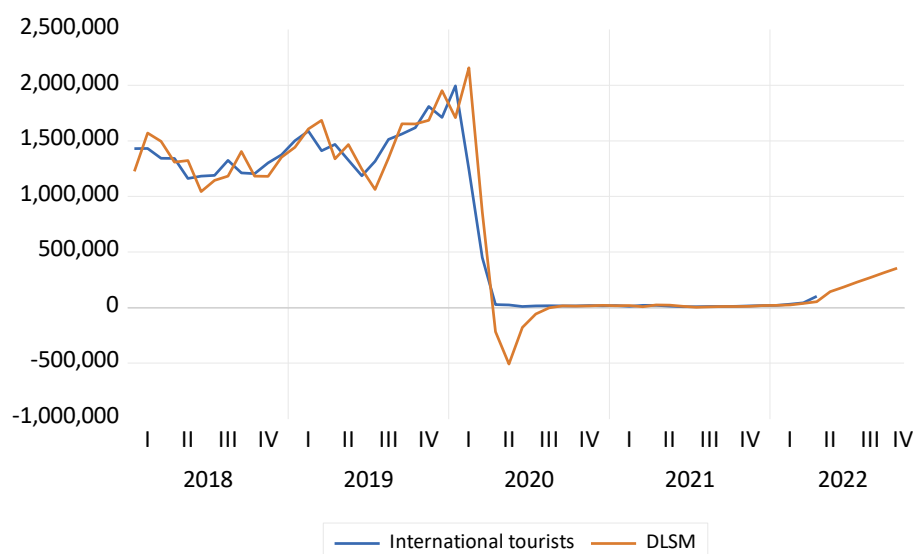
Mức cao nhất của doanh thu từ dịch vụ du lịch và lữ hành là 4,228.319 tỷ đồng (ghi nhận vào tháng 12/2019) và mức thấp nhất là 50.79 tỷ đồng (ghi nhận vào tháng 08/2021). Nhìn chung, doanh thu từ ngành dịch vụ du lịch lữ hành cao nhất ở tháng đầu năm, sau đó giảm dần tới tháng 4 và tăng trở lại đến tháng 6 và giữ ổn định đến cuối năm (Hình 5).



Hình 5. Giá trị trung bình mùa vụ của doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành

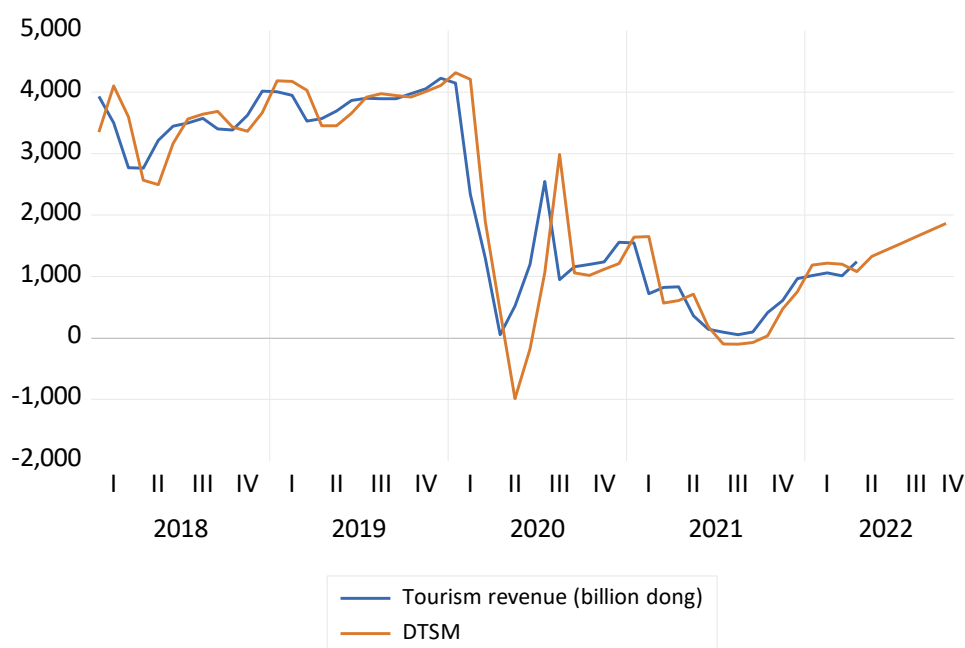
Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

4.3. Dự báo triển vọng phục hồi ngành du lịch Việt Nam hậu COVID-19 bằng mô hình mũ san kép



Hình 6. Kết quả dự báo lượng khách du lịch quốc tế

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả



Hình 7. Kết quả dự báo doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Như vậy, kết quả dự báo của cả Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và Doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022 đều cho thấy dấu hiệu phục hồi. Cụ thể, lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam tháng 4 năm 2022 ước tính đạt 101,373 lượt người, đến tháng 5 năm 2022 đã tăng lên 141,922.8 lượt người (dự báo), tăng xấp xỉ 40%. Đà tăng này được dự báo sẽ duy trì đến đầu quý 3 năm 2022. Tương tự, doanh thu từ ngành dịch vụ du lịch lữ hành cũng cho thấy những dấu hiệu khả quan khi được dự báo tăng từ 1240.990 tỷ đồng

(tháng 4 năm 2022) lên 1326.361 tỷ đồng vào tháng 5/2022, tăng xấp xỉ 7% và giữ vững đà tăng trong giai đoạn dự báo.

Bảng 4. Kết quả dự báo lượng khách du lịch quốc tế và doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành

	Lượng khách du lịch quốc tế	Doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành
05/2022	141922.8	1326.361
06/2022	184362.6	1433.729
07/2022	226802.4	1541.097
08/2022	269242.2	1648.464
09/2022	311682.0	1755.832
10/2022	354121.7	1863.200

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

4.4. Thảo luận về kết quả dự báo

Từ ngày 15/3/2022, ngành du lịch đã được Chính phủ mở cửa trở lại với việc nhiều đường bay quốc tế đã được khôi phục trở lại. Cụ thể, trong ba tháng đầu năm 2022, tổng thu từ ngành du lịch ước tính đạt 111.2 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt là trong tháng 3/2022, lượng khách quốc tế đến nước ta đạt con số 41.7 nghìn lượt người, tăng 41.4% so với tháng trước và gấp 2.2 lần cùng kỳ năm trước. Lượng khách du lịch đến một số tỉnh/thành phố trong quý I năm 2022 tăng một cách vượt trội so với quý I năm 2021, theo số liệu của Tổng cục Thống kê. Có được điều này là do những nỗ lực cả về phía Chính phủ và doanh nghiệp.

Về phía Chính phủ, nỗ lực để đưa ngành du lịch trở lại được thể hiện rất rõ thông qua tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là đã có sự chăm sóc đối tượng nguy cơ cao nên tỷ lệ chết/số ca mắc trên cả nước tương đối thấp. Tính đến cuối tháng 2/2022, Việt Nam cơ bản đã hoàn tất việc bao phủ 2 liều vắc-xin cho người từ 12 tuổi trở lên. Còn với tỷ lệ tiêm mũi thứ 3, tính đến nay, con số này đạt 37,4% (ước tính khoảng hơn 75% đối tượng đến lịch tiêm mũi 3 đã được tiêm chủng). Như vậy, những chuyển biến tích cực trong việc quản lý dịch bệnh của các cấp, chính quyền địa phương đã tạo tiền đề vững chắc cho ngành du lịch từng bước phục hồi.

Về phía doanh nghiệp, các doanh nghiệp du lịch và lữ hành đã thích nghi nhanh chóng và trở lại mạnh mẽ với thị trường, xây dựng phương án hợp lý để kích ứng các nguồn nhân lực, tận dụng các nguồn tài trợ và chính sách của Chính phủ một cách có hiệu quả để giúp các doanh nghiệp có thể nhanh chóng quay trở lại thị trường. Dịch bệnh Covid-19 đã tác động rất lớn đến nguồn nhân lực về du lịch khi mà phần lớn những người làm trong ngành du lịch đều chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh buộc phải rời bỏ nghề và tìm kiếm, cân nhắc những lựa chọn khác. Tuy vậy, các doanh nghiệp đã có những bước đi hợp lý để có thể từng bước đưa ngành du lịch trở lại: tìm kiếm, thu hút nguồn nhân lực đến từ các ngành nghề, lĩnh vực chuyên sâu khác nhau, đặc biệt hơn cả là các chính sách hướng tới đối tượng chính là nguồn nhân lực trẻ cũng như là để hướng tới quá trình đa dạng hóa các dịch vụ.

Các yếu tố nêu trên chính là cơ sở vững chắc do các phân tích, dự báo của nhóm nghiên cứu về triển vọng phục hồi của ngành du lịch Việt Nam hậu Covid-19.

5. Hàm ý chính sách

5.1. Đối với Nhà nước

Thứ nhất, với việc chiếm đến hơn 50% số lượng nhà cung cấp dịch vụ du lịch trong năm 2018, các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ là đối tượng mà Chính phủ cần tạo điều kiện, đặc biệt là các chương trình chuyển đổi công nghệ và phân tích dữ liệu nhằm tạo ra một sân chơi cạnh tranh bình đẳng. Nhà nước có thể đóng vai trò cầu nối giữa nhà cung cấp với nhà phân phối và đơn vị trung gian để tạo ra những gói sản phẩm du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách hàng, và sau đó dựa vào những tương tác với du khách để phân tích, đưa ra những dữ liệu, thông tin quan trọng cho các bên trung gian... Mạng phân tích du lịch Singapore (STAN) và Sàn giao dịch du lịch Australia (TXA) là những ví dụ cho cơ chế hoạt động này trên quy mô lớn.

Thứ hai, mở cửa du lịch đi liền với an toàn phòng dịch Covid - 19. Việt Nam là một trong những quốc gia hàng đầu trong việc phủ sóng vắc-xin. Tuy nhiên, những thách thức liên quan đến các biến chủng mới, sự chênh lệch về mức độ bao phủ vắc-xin giữa các địa phương và các độ tuổi vẫn còn tồn tại. Vậy nên, các giải pháp phục hồi Ngành du lịch cần phải luôn đi cùng với an toàn phòng dịch Covid - 19. Đây cũng chính là điều kiện tiên quyết để mở cửa du lịch an toàn.

5.2. Đối với doanh nghiệp

Thứ nhất, mô hình giá mới nên được cân nhắc bởi các doanh nghiệp như một cách để phục hồi nhu cầu. Doanh nghiệp tìm cách bán sản phẩm theo gói - để có cơ hội bán chéo và bán thêm, đa dạng hóa nguồn doanh thu, khả năng thu được mức giá cao hơn. Ví dụ, các khách sạn năm sao có thể cung cấp gói phòng nghỉ cao cấp kết hợp dịch vụ xe đưa đón và giảm giá dịch vụ ăn uống. Có thể nói, trong giai đoạn đầu của quá trình hồi phục, việc kích thích nhu cầu bằng các biện pháp giảm giá và trước bán hàng là những chiến thuật quan trọng. Và một khi độ tin tưởng và nhu cầu quay trở lại thì các doanh nghiệp du lịch có xu hướng chuyển sang mô hình giá linh hoạt để đạt lại được mức tăng trưởng trước đại dịch.

Thứ hai, trong bối cảnh hiện nay, các doanh nghiệp phải đẩy mạnh việc chuyển đổi số để tiếp cận được các đối tượng khách hàng tiềm năng mới. Việc được thử sức với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ sẽ đem đến cho du khách những trải nghiệm số hấp dẫn. Ngoài ra, các công ty lữ hành cần củng cố “điểm chạm” và trải nghiệm trực tuyến để tăng cường trải nghiệm khách hàng. Trang web của Tổng cục Du lịch chính là một ví dụ điển hình cho việc áp dụng chuyển đổi số khi xuất hiện các tour thực tế ảo đến những địa điểm du lịch phổ biến nhất cả nước và một số hướng dẫn viên du lịch đã tổ chức dẫn tour trực tuyến theo thời gian thực cho khách du lịch nước ngoài.

Thứ ba, các công ty lữ hành, doanh nghiệp du lịch cần phải có sự chuẩn bị linh hoạt và phản ứng nhạy bén để sớm nắm bắt xu hướng du lịch quốc tế; cũng như đáp ứng những nhu cầu nghiêm ngặt về y tế và an toàn của cả Việt Nam và điểm đến.

Kết luận

Bài tiểu luận của nhóm đã tiến hành nghiên cứu và đưa ra dự báo về triển vọng phục hồi Ngành du lịch Việt Nam hậu Covid - 19. Thông qua bài tiểu luận, nhóm mong muốn mang đến cái nhìn rõ hơn về các ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 đến Ngành du lịch Việt Nam và triển vọng phục hồi tích cực giai đoạn hậu Covid - 19.

Có thể nói, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng phát triển quan trọng đất nước, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Trong bối cảnh Ngành du lịch Việt Nam đang có sự phục hồi và từng bước phát triển sau đại dịch; triển vọng du lịch quốc tế tích cực khi mà các nước triển khai việc tiêm vắc xin và nhu cầu đi du lịch sau một thời gian giãn cách dài tương đối cao. Chính Phủ, các Bộ ban ngành, địa phương và doanh nghiệp cần có sự phối hợp chặt chẽ, phát huy vai trò của mình trong thời điểm được coi là thời cơ vàng của Ngành du lịch; có những hành động, chính sách cụ thể để từ đó Ngành du lịch Việt Nam bứt phá và phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Nhóm mong rằng các đề xuất, kiến nghị ở trên được phần nào giúp cho Ngành du lịch Việt Nam trong giai đoạn phục hồi tới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch. (2022), “Tổng thu từ khách du lịch giai đoạn 2000 – 2018”.
- Chandra, S. & Kumari, K. (2018), “Forecasting foreign tourist arrivals in India using time series models”, *International Journal of Statistics and Applied Mathematics*, Vol. 3 No. 2, pp. 338-342.
- Chumni, M. (2011), University of Chulalongkorn M.A thesis - Tourism demand model: Determinants of Thailand’s international tourist receipts, Chulalongkorn University, Bangkok.
- Coltman, M. (1991), Tiếp thị du lịch, Trung tâm Dịch vụ đầu tư & Ứng dụng
- Constantino, H. A., Fernandes, P. O., & Teixeira, J. P. (2016), “Tourism demand modeling and forecasting with artificial neural network models: The Mozambique case study”, *Téchne*, Vol. 14 No. 2, pp. 113–124.
- Đình, T.V. & Hòa, N.T.M. (2008), *Giáo trình Kinh tế Du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.
- Fernandes, P.O., Teixeira, J.P., Ferreira, J. & Azevedo, S. (2013), *Training neural networks by resilient backpropagation algorithm for tourism forecasting*.
- Frechtling, D.C. (1996), *Practical Tourism Forecasting*, Butterworth - Heinemann, Oxford University Press, Oxford.
- Giáp, H.G. (2002), *Kinh tế du lịch*, NXB Trẻ, TP.HCM.
- Gunter, U. & Önder, I. (2015), “Forecasting international city tourism demand for Paris: Accuracy of uni- and multivariate models employing monthly data”, *Tourism Management*, No. 46, pp. 123–135.
- Hội đồng Du lịch & Lữ hành thế giới (WTTC). “Tác động & xu thế kinh tế toàn cầu năm 2020”.
- Höpken, W., Eberle, T., Fuchs, M., & Lexhagen, M. (2020), “Improving Tourist Arrival Prediction: A Big Data and Artificial Neural Network Approach”, *Journal of Travel Research*, 004728752092124.
- Ibrahim, M. (2011), “The determinants of international tourism demand for Egypt: Panel data evidence, *European Journal of Economics*”, No. 30, pp 50 - 57.
- Kosnan, S. & Ismail, N. (2012), *Seventh Malaysian National Economic Conference: Economic and Social Transformation Towards Developed Nations report - Demand factors for international tourism in Malaysia: 1998-2009*, Universiti Kebangsaan Malaysia, Perak.
- Li, G., Wong, K. K. F., Song, H., & Witt, S. F. (2006), “Tourism Demand Forecasting: A Time Varying Parameter Error Correction Model”, *Journal of Travel Research*, Vol. 45 No. 2, pp. 175–185.
- Lim, C., & McAleer, M. (2002), “Time series forecasts of international travel demand for Australia”, *Tourism Management*, Vol. 23 No. 4, pp. 389–396.
- Margaux, C. & Matthieu, F & Thao, L. (2021), “Đổi mới ngành du lịch: Việt Nam có thể đẩy mạnh tốc độ phục hồi như thế nào”, *McKinsey & Company*.

- Quyên, N.L., Fernandes, P.O. & Teixeira, J.P (2022), “Analyzing and Forecasting Tourism Demand in Vietnam with Artificial Neural Networks”, *Forecasting 2022*, No. 4, pp. 36 – 50.
- Quyên, N.L., Fernandes, P.O., Teixeira, P.J. (2021), *Analyzing and Forecasting Tourism Demand in Vietnam with Artificial Neural Networks*.
- Song, H., & Li, G. (2008), “Tourism demand modeling and forecasting—A review of recent research”, *Tourism Management*, Vol. 29 No. 2, pp. 203 – 220.
- Song, H., & Witt, S. F. (2006), “Forecasting international tourist flows to Macau”, *Tourism Management*, Vol. 27 No. 2, pp. 214 – 224.
- Tạp chí Tuyên giáo. (n.d.), “Du lịch Việt Nam: “Tiếp tục “sứ mệnh” trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.
- Tổng cục Du lịch. (2018), *Báo cáo thường niên Du lịch Việt Nam 2018*, NXB Lao động.
- Tổng cục Du lịch. (2019), *Báo cáo thường niên Du lịch Việt Nam 2019*, NXB Lao động.
- Trung tâm Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam. (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hòa - Thông tin, Hà Nội.
- Zhu, L., Lim, C., Xie, W., & Wu, Y. (2016), “Modeling tourist flow association for tourism demand forecasting. Current Issues in Tourism”, Vol. 21 No. 8, pp. 902–916.